

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN YUVA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN YUVA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: YUVA LIMITED LIABILITY COMPANY

Tên công ty viết tắt: YUVA CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 1900605698

3. Ngày thành lập: 25/12/2015

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 10/04 Ấp Vĩnh Lộc, Xã Vĩnh Phú Đông, Huyện Phước Long, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam

Điện thoại: (+84) 7813 707439 - 0936 399778

Fax:

Email: www.yuva.vn@gmail.com

Website: www.yuva.vn.com

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất thiết bị điện khác Chi tiết: Hệ thống thiết bị sử dụng năng lượng từ gió, quang năng. (không hoạt động tại trụ sở)	2790
2.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
3.	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất bao bì từ plastic, sản phẩm khác từ plastic. (không hoạt động tại trụ sở)	2220
4.	Trồng lúa	0111(Chính)
5.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
6.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
7.	Trồng cây mía	0114
8.	Trồng cây lấy sợi	0116
9.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
10.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh Chi tiết: Trồng rau các loại, đậu các loại, hoa, cây cảnh	0118
11.	Trồng cây hàng năm khác Chi tiết: Trồng cây lâu năm	0119
12.	Trồng cây ăn quả Chi tiết: Trồng cam, chuối, quýt, táo, mận, nho, xoài, nhãn, vải, chôm chôm, cây ăn quả vùng nhiệt đới và cận nhiệt đới, các loại quả có múi khác, các loại quả có hạt như táo, cây ăn quả khác.	0121
13.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
14.	Trồng cây điều	0123

15.	Trồng cây hồ tiêu	0124
16.	Trồng cây cao su	0125
17.	Trồng cây cà phê	0126
18.	Trồng cây chè	0127
19.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
20.	Trồng cây lâu năm khác	0129
21.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
22.	Chăn nuôi trâu, bò (không hoạt động tại trụ sở)	0141
23.	Chăn nuôi lợn (không hoạt động tại trụ sở)	0145
24.	Chăn nuôi gia cầm Chi tiết: Chăn nuôi gà, vịt, ngan, ngỗng, gia cầm khác. (không hoạt động tại trụ sở)	0146
25.	Chăn nuôi khác (không hoạt động tại trụ sở)	0149
26.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp (không hoạt động tại trụ sở)	0150
27.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt (không hoạt động tại trụ sở)	0161
28.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi (không hoạt động tại trụ sở)	0162
29.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch (không hoạt động tại trụ sở)	0163
30.	Xử lý hạt giống để nhân giống (không hoạt động tại trụ sở)	0164
31.	Săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan Chi tiết: Khai thác, nuôi trồng thủy sản.	0170
32.	Khai thác thủy sản biển (không hoạt động tại trụ sở)	0311
33.	Khai thác thủy sản nội địa Chi tiết: khai thác thủy sản nước lợ, nước ngọt	0312
34.	Nuôi trồng thủy sản biển (không hoạt động tại trụ sở)	0321
35.	Nuôi trồng thủy sản nội địa Chi tiết: nuôi trồng thủy sản nước lợ, nước ngọt	0322
36.	Sản xuất giống thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)	0323
37.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
38.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
39.	Khai thác và thu gom than bùn (không hoạt động tại trụ sở)	0892

40.	Khai thác muối (không hoạt động tại trụ sở)	0893
41.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết: Chế biến và đóng hộp thủy sản; Chế biến và bảo quản thủy sản đông lạnh; Chế biến và bảo quản thủy sản khô; Chế biến và bảo quản nước mắm; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản khác. (không hoạt động tại trụ sở)	1020
42.	Chế biến và bảo quản rau quả Chi tiết: Chế biến và đóng hộp rau quả; Chế biến và bảo quản rau quả khác. (không hoạt động tại trụ sở)	1030
43.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật Chi tiết: Sản xuất và đóng hộp dầu, mỡ động thực vật; Chế biến và bảo quản dầu mỡ khác. (không hoạt động tại trụ sở)	1040
44.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa (không hoạt động tại trụ sở)	1050
45.	Xay xát và sản xuất bột thô Chi tiết: Xay xát, đánh bóng gạo; Sản xuất bột thô. (không hoạt động tại trụ sở)	1061
46.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột (không hoạt động tại trụ sở)	1062
47.	Sản xuất các loại bánh từ bột (không hoạt động tại trụ sở)	1071
48.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo (không hoạt động tại trụ sở)	1073
49.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự (không hoạt động tại trụ sở)	1074
50.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn (không hoạt động tại trụ sở)	1075
51.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
52.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)	1080
53.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai, đồ uống không cồn. (không hoạt động tại trụ sở)	1104
54.	Sản xuất sản phẩm dầu mỡ tinh chế (không hoạt động tại trụ sở)	1920
55.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa, phương tiện cơ giới và vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện thô sơ.	5022
56.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan, trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan), trong kho khác. (không hoạt động tại trụ sở)	5210

57.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5221
58.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa	5222
59.	Bốc xếp hàng hóa	5224
60.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn, biệt thự hoặc căn bộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày. (không hoạt động tại trụ sở)	5510
61.	Cơ sở lưu trú khác Chi tiết: Cơ sở lưu trú resort, nhà nghỉ lưu động. (không hoạt động tại trụ sở)	5590
62.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt thép	4662
63.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng.	4663
64.	Bán buôn tổng hợp (không hoạt động tại trụ sở)	4690
65.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
66.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị; trung tâm thương mại, khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, lương thực, thực phẩm, đồ uống hoặc thuốc lá, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên kinh doanh	4719
67.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
68.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên kinh doanh, rau, quả trong các cửa hàng chuyên kinh doanh, đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên kinh doanh, thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên kinh doanh.	4722
69.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
70.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
71.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.	4752
72.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống	5610

73.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
74.	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Sản xuất điện cung cấp tại công tơ tổng (sản xuất điện từ rác thải sinh hoạt, quang năng, từ gió). (không hoạt động tại trụ sở)	3510
75.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá Chi tiết: Sản xuất nước đá. (không hoạt động tại trụ sở)	3530
76.	Thoát nước và xử lý nước thải (không hoạt động tại trụ sở)	3700
77.	Thu gom rác thải không độc hại (không hoạt động tại trụ sở)	3811
78.	Thu gom rác thải độc hại Chi tiết: Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại (không hoạt động tại trụ sở)	3812
79.	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại (không hoạt động tại trụ sở)	3822
80.	Tái chế phế liệu Chi tiết: Tái chế phế liệu phi kim loại. (không hoạt động tại trụ sở)	3830
81.	Xây dựng nhà các loại	4100
82.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông	4210
83.	Xây dựng công trình công ích	4220
84.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
85.	Phá dỡ	4311
86.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
87.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
88.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
89.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Xây dựng nhà máy điện gió và sử dụng năng lượng mặt trời, xây dựng nhà máy xử lý rác thải.	4390
90.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác, hoa và cây, thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản	4620
91.	Bán buôn gạo	4631
92.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thủy sản; Bán buôn rau quả; Bán buôn cà phê; Bán buôn chè; Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, thực phẩm khác. (không hoạt động tại trụ sở)	4632

93.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn, không có cồn, nước đóng chai, đóng bình đã qua xử lý. (không hoạt động tại trụ sở)	4633
94.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào	4634
95.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
96.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn thiết bị, máy móc, phụ tùng máy khác chưa phân vào đâu và vật liệu ngành nước.	4659
97.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ lương thực lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ thực phẩm lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ đồ uống lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ gạo, ngô	4781
98.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ hàng hóa khác chưa được phân vào đâu, lưu động hoặc tại chợ.	4789
99.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
100.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
101.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng, phương tiện đường bộ khác	4933
102.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
103.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
104.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật	7210
105.	Đại lý du lịch	7911
106.	Điều hành tua du lịch	7912
107.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920

6. Vốn điều lệ: 3.682.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ(%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	ĐIỀN VĂN TUÔI	Áp Vĩnh Lộc, Xã Vĩnh Phú Đông, Huyện Phước Long, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam	184.100.000	5,00	385261043	

2	NGUYỄN TÂN HƯNG	38/1 Đường 1A, Phường Bình Hưng Hòa A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	2.209.200.000	60,00	025438732	
3	NGUYỄN VĂN BÌNH	66/10 Tái Thiết, Phường 11, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	368.200.000	10,00	020812429	
4	CHÂU NHẬT QUANG	Số 9, tổ 11, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	368.200.000	10,00	012062666	
5	NGUYỄN QUỐC HUY	Số 3, Khu phố 3, Phường Thống Nhất, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	368.200.000	10,00	271788750	
6	NGUYỄN VĂN HẢI	66/08 đường Tái Thiết, Phường 11, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	184.100.000	5,00	022171026	

8. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: NGUYỄN QUỐC HUY

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 04/01/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 271788750

Ngày cấp: 21/01/2014

Nơi cấp: Công an tỉnh Đồng Nai

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số 3, Khu phố 3, Phường Thống Nhất, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Số 137B/1 Ấp Nhất Hòa, Xã Hiệp Hòa, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bạc Liêu